

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
DU LỊCH BẾN THÀNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020	8
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 32

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: Số 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Đình Quân	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2020)
Ông Nguyễn Ngọc Châu	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2020)
Ông Đặng Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Phước Bảo Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2020)
Bà Đặng Thị Thi Thanh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2020)
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2020)
Ông Phan Quang Chất	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2020)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Minh Hùng	Trưởng ban
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên
Ông Thái Minh Duy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 08 tháng 07 năm 2020)
Ông Vũ Đình Quân	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 08 tháng 07 năm 2020)
Bà Đặng Thị Thi Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Trường	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2020)
Bà Tạ Thị Cẩm Vinh	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: Số 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2020

Số: 21.145/BCSX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành, được lập ngày 26 tháng 08 năm 2020, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề nhấn mạnh

Như được nêu tại mục 1.4 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng lớn đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 06 tháng đầu năm 2020. Ngoài ra, do dịch bệnh đang bùng phát trở lại vào tháng 07/2020 nên ảnh hưởng đầy đủ của dịch bệnh đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong giai đoạn kế toán tới là tùy thuộc vào thời gian diễn biến của dịch bệnh. Vấn đề nhấn mạnh này không ảnh hưởng đến kết luận của chúng tôi.



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2020

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		149.534.992.538	194.989.254.324
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	36.945.795.022	42.053.523.734
1. Tiền	111		13.945.795.022	32.053.523.734
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.000.000.000	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.000.000.000	3.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.4	3.000.000.000	3.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.785.315.244	130.380.458.552
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	50.594.717.510	99.009.391.603
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	20.052.652.681	20.007.711.164
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	11.448.945.053	12.074.355.785
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.311.000.000)	(711.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		22.151.034.718	11.151.309.087
1. Hàng tồn kho	141	4.6	22.151.034.718	11.151.309.087
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.652.847.554	8.403.962.951
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.10	2.574.831.924	4.614.894.484
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		30.288.302	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	4.047.727.328	3.789.068.467
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		227.362.827.523	236.162.359.050
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.321.339.000	2.184.525.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	2.321.339.000	2.184.525.000
II. Tài sản cố định	220		60.328.654.448	64.073.113.938
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	58.599.046.491	62.111.845.567
Nguyên giá	222		154.878.048.805	154.828.548.805
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(96.279.002.314)	(92.716.703.238)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	1.729.607.957	1.961.268.371
Nguyên giá	228		4.141.037.044	4.141.037.044
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.411.429.087)	(2.179.768.673)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.9	26.382.303.212	27.007.161.864
1. Nguyên giá	231		36.741.573.937	36.741.573.937
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(10.359.270.725)	(9.734.412.073)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		221.182.533	194.182.533
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		221.182.533	194.182.533
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.4	97.459.619.621	98.959.619.621
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		91.546.951.082	91.546.951.082
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.392.735.540	11.392.735.540
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.480.067.001)	(3.980.067.001)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		40.649.728.709	43.743.756.094
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	40.649.728.709	43.743.756.094
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		376.897.820.061	431.151.613.374

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		154.566.954.336	181.007.226.212
I. Nợ ngắn hạn	310		124.973.777.314	154.593.209.082
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	15.027.405.884	17.998.491.085
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	8.908.690.293	11.757.147.189
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	1.846.042.677	2.101.105.404
4. Phải trả người lao động	314		380.337.300	8.753.065.600
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		8.921.152.966	2.549.683.967
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.15	12.537.018.390	9.991.825.625
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	15.912.214.785	5.713.282.938
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	53.366.634.912	88.654.327.167
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		8.074.280.107	7.074.280.107
II. Nợ dài hạn	330		29.593.177.022	26.414.017.130
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.15	12.331.171.222	12.834.484.330
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.14	17.262.005.800	13.579.532.800
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		222.330.865.725	250.144.387.162
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.17	222.330.865.725	250.144.387.162
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		250.000.000.000	250.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(785.400.000)	(785.400.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.635.810.142	4.635.810.142
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(31.519.544.417)	(3.706.022.980)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(16.497.290.972)	(11.230.418.563)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(15.022.253.445)	7.524.395.583
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		376.897.820.061	431.151.613.374



Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2020

Nguyễn Văn Ngọc
Kế toán trưởng

Đường Ngọc Hương
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.19	163.302.082.390	403.759.270.447
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.789.042.405	2.831.440.194
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		160.513.039.985	400.927.830.253
4. Giá vốn hàng bán	11	4.20	127.935.738.163	335.486.333.344
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32.577.301.822	65.441.496.909
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		396.196.310	1.071.491.255
7. Chi phí tài chính	22	4.21	3.231.486.346	2.758.821.946
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.708.476.690	1.326.462.163
8. Chi phí bán hàng	25	4.22	24.552.500.857	32.703.899.496
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.23	20.441.616.812	25.065.785.416
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(15.252.105.883)	5.984.481.306
11. Thu nhập khác	31		248.005.754	194.533.739
12. Chi phí khác	32		18.153.316	48.651.134
13. Lợi nhuận khác	40		229.852.438	145.882.605
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(15.022.253.445)	6.130.363.911
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.25	-	1.392.012.205
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	181.517.998
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(15.022.253.445)	4.556.833.708
18. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	4.17.3	(602)	92



Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2020

Nguyễn Văn Ngọc
Kế toán trưởng

Đường Ngọc Hương
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(15.022.253.445)	6.130.363.911
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.24	4.418.818.142	4.641.335.073
Các khoản dự phòng	03		2.100.000.000	1.260.072.572
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(131.024.921)	(770.567.886)
Chi phí lãi vay	06	4.21	1.708.476.690	1.326.462.163
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(6.925.983.534)	12.587.665.833
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		49.683.256.145	(49.159.066.493)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.999.725.631)	(34.835.280.021)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.637.275.364)	47.393.335.311
Tăng giảm chi phí trả trước	12		5.134.089.945	2.363.395.280
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.708.476.690)	(1.326.462.163)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(333.572.249)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	10.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.113.874.000)	(480.885.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30.098.438.622	(23.447.297.253)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(49.500.000)	(836.666.960)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	17.727.272
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		131.024.921	752.840.614
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		81.524.921	(66.099.074)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.26	82.837.204.444	96.866.056.486
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.27	(118.124.896.699)	(72.233.475.975)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(35.287.692.255)	24.632.580.511
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(5.107.728.712)	1.119.184.184
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		42.053.523.734	29.165.872.075
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	4.1	36.945.795.022	30.285.056.259



Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2020

Nguyễn Văn Ngọc
Kế toán trưởng

Đường Ngọc Hương
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 27 tháng 10 năm 2014, Chủ tịch UBND TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 5288/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành (thuộc Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV) thành công ty cổ phần. Ngày 03 tháng 03 năm 2015, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 030117827 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 10 tháng 07 năm 2020.

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là công ty đại chúng theo văn bản số 3075/UBCK-QLPH ngày 10 tháng 06 năm 2015 và được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 05/2017/GCNCP-VSD ngày 04/01/2017.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 250.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	Việt Nam	122.500.000.000	49,00	122.500.000.000	49,00
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Chợ Lớn	Việt Nam	34.571.500.000	13,83	-	-
Công ty Cổ Phần An Phú	Việt Nam	26.660.000.000	10,66	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	Việt Nam	-	-	59.323.500.000	23,73
Các nhà đầu tư khác		66.268.500.000	26,51	68.176.500.000	27,27
Cộng		<u>250.000.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>250.000.000.000</u>	<u>100,00</u>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại 30/06/2020 là 337 (31/12/2019 là: 353).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Điều hành tour du lịch; chi tiết: kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa và quốc tế;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; chi tiết: kinh doanh nhà hàng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; chi tiết: kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; chi tiết: cho thuê văn phòng, quầy, sạp, cửa hàng kinh doanh; đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà; cho thuê kho bãi; kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; chi tiết: đại lý vé tàu hỏa, bán vé máy bay; môi giới vận tải; dịch vụ nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; chi tiết: mua bán hóa chất (trừ dược phẩm, thuốc trừ sâu; hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, hóa chất có tính độc hại mạnh và không buôn bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại tại trụ sở).

1.4. Các sự kiện và giao dịch quan trọng

Trong 6 tháng đầu năm, doanh thu của Công ty đã giảm sút 60% so với cùng kỳ năm trước do chịu ảnh hưởng lớn từ dịch COVID-19, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động lữ hành giảm 87% so với cùng kỳ năm trước;
- Doanh thu vé máy bay giảm 65% so với cùng kỳ năm trước;
- Doanh thu hoạt động nhà hàng, khách sạn giảm 57% so với cùng kỳ năm trước;

Bên cạnh đó, chi phí lương bị cắt giảm 31% so với cùng kỳ năm trước.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành Phú Xuân	09 Ngô Quyền, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên- Huế, Việt Nam	43,33%	43,33%	43,33%
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	4-6-8 Hồ Huân Nghiệp, Phường Bến Nghé, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty TNHH Căn hộ cho thuê nhà Phong Lan	180A Hai Bà Trưng, Phường ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	22,22%	22,22%	22,22%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2020 gồm:

Tên	Địa chỉ
Trung tâm Lữ hành Sài Gòn	70 Lý Tự Trọng, P. Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Khách sạn Viễn Đông	275A Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Khách sạn Ngân Hà	190 Lê Thánh Tôn, P. Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Hà Nội	42 Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng	286 Nguyễn Văn Linh, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Cần Thơ	135A Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Chi nhánh Vĩnh Long	Tổ 14, ấp An Thuận, Xã An Bình, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31, tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2019.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	129.287.777	103.507.156
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.816.507.245	31.950.016.578
Các khoản tương đương tiền	23.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	36.945.795.022	42.053.523.734

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất 5%/năm.

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 4.29	83.250.000	140.708.000
Công ty Cổ phần Thương Mại Sản Xuất Bến Thành	13.482.980.000	15.475.108.000
Trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư TP. Hồ Chí Minh	86.637.000	5.413.632.061
Các khách hàng khác	36.941.850.510	77.979.943.542
Cộng	50.594.717.510	99.009.391.603

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công ty TNHH DL – DV – TM Sen Việt	2.897.724.815	3.160.651.005
Các nhà cung cấp khác	17.154.927.866	16.847.060.159
Cộng	20.052.652.681	20.007.711.164

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: Số 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.4. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 6% đến 6,6%/năm.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique (a)	63.000.000.000	(5.480.067.001)	(*)	63.000.000.000	(3.980.067.001)	(*)
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành Phú Xuân (b)	24.278.147.833	-	(*)	24.278.147.833	-	(*)
Công ty TNHH Căn hộ cho thuê nhà Phong Lan (c)	4.268.803.249	-	(*)	4.268.803.249	-	(*)
Cộng	91.546.951.082	(5.480.067.001)		91.546.951.082	(3.980.067.001)	
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Du lịch Huế	7.182.926.938	-	(*)	7.182.926.938	-	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành	3.896.248.602	-	(*)	3.896.248.602	-	(*)
Công ty Cổ phần Khách sạn Tháng Mười	313.560.000	-	(*)	313.560.000	-	(*)
Cộng	11.392.735.540	-		11.392.735.540	-	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- a) Khoản đầu tư này tương đương với 30% quyền sở hữu Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dịch vụ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- b) Khoản đầu tư này tương đương với 43,33% quyền sở hữu Công ty TNHH Du lịch Bến Thành Phú Xuân, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- c) Khoản đầu tư này tương đương với 22,22% quyền sở hữu Công ty TNHH Căn hộ cho thuê nhà Phong Lan, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là cung cấp dịch vụ cho thuê căn hộ.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Các khoản chi hộ phải thu từ bên liên quan – Xem thêm mục 4.29	339.224.370	-	339.224.370	-
Tạm ứng	10.355.287.217	-	8.407.945.345	-
Ký cược, ký quỹ	17.000.000	-	7.000.000	-
Phải thu khác	737.433.466	-	3.320.186.070	-
Cộng	11.448.945.053	-	12.074.355.785	-
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	2.321.339.000	-	2.184.525.000	-

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	187.258.796	-	191.859.380	-
Công cụ, dụng cụ	2.463.566.541	-	1.783.078.543	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.109.531.939	-	2.366.521.102	-
Hàng hóa	9.390.677.442	-	6.809.850.062	-
Cộng	22.151.034.718	-	11.151.309.087	-

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: Số 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2020	125.817.307.444	14.281.282.624	10.493.802.944	3.942.575.793	293.580.000	154.828.548.805
Mua trong kỳ	-	49.500.000	-	-	-	49.500.000
Tại ngày 30/06/2020	125.817.307.444	14.330.782.624	10.493.802.944	3.942.575.793	293.580.000	154.878.048.805
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2020	74.011.336.791	11.817.615.577	3.143.477.666	3.707.575.704	36.697.500	92.716.703.238
Khấu hao trong kỳ	2.654.731.784	319.176.716	485.191.068	71.744.508	31.455.000	3.562.299.076
Tại ngày 30/06/2020	76.666.068.575	12.136.792.293	3.628.668.734	3.779.320.212	68.152.500	96.279.002.314
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2020	51.805.970.653	2.463.667.047	7.350.325.278	235.000.089	256.882.500	62.111.845.567
Tại ngày 30/06/2020	49.151.238.869	2.193.990.331	6.865.134.210	163.255.581	225.427.500	58.599.046.491

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 19.571.465.510 VND.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy tính.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 931.273.244 VND.

4.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2020	36.741.573.937
Tại ngày 30/06/2020	<u>36.741.573.937</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2020	9.734.412.073
Khấu hao trong kỳ	624.858.652
Tại ngày 30/06/2020	<u>10.359.270.725</u>
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2020	<u>27.007.161.864</u>
Tại ngày 30/06/2020	<u>26.382.303.212</u>

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.10. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	148.786.406	380.401.113
Các khoản khác	2.426.045.518	4.234.493.371
Cộng	2.574.831.924	4.614.894.484
Dài hạn:		
Lợi thế kinh doanh	15.775.808.459	17.481.008.459
Tiền thuê đất	15.957.561.312	15.957.561.312
Chi phí sửa chữa TSCĐ	2.045.831.545	3.375.769.278
Chi phí công cụ dụng cụ	1.455.371.711	1.910.857.368
Các khoản khác	5.415.155.682	5.018.559.677
Cộng	40.649.728.709	43.743.756.094

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
The Chemours Company Singapore Pte. Ltd	10.217.050.000	10.217.050.000	-	-
Tổng công ty Hàng không Việt Nam	1.885.479.254	1.885.479.254	2.743.328.096	2.743.328.096
Lê Thị Tư	357.650.875	357.650.875	4.812.763.244	4.812.763.244
Phải trả cho các đối tượng khác	2.567.225.755	2.567.225.755	10.442.399.745	10.442.399.745
Cộng	15.027.405.884	15.027.405.884	17.998.491.085	17.998.491.085

4.12. Người mua trả tiền trước

Là các khoản người mua trả tiền cho các dịch vụ tour và vé máy bay.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: Số 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2020		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2020	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.775.554.330	9.740.548.272	9.793.020.512	-	1.828.026.570
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.047.727.328	-	74.913.388	333.572.249	3.789.068.467	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	70.488.347	647.851.576	850.442.063	-	273.078.834
Các loại thuế khác	-	-	29.000.000	29.000.000	-	-
Cộng	4.047.727.328	1.846.042.677	10.492.313.236	11.006.034.824	3.789.068.467	2.101.105.404

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.14. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.078.601.710	93.561.710
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.459.636.000	4.329.938.000
Bảo hiểm xã hội	1.213.936.562	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.160.040.513	1.289.783.228
Cộng	15.912.214.785	5.713.282.938
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	17.262.005.800	13.579.532.800

4.15. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Doanh thu tour nhận trước	11.459.483.086	8.126.790.319
Doanh thu chưa thực hiện khác	1.077.535.304	1.865.035.306
Cộng	12.537.018.390	9.991.825.625
Dài hạn:		
Nhận trước tiền cho thuê bất động sản (*)	12.331.171.222	12.834.484.330

(*) Là khoản tiền cho thuê dài hạn nhận trước của Công ty Cổ phần Du lịch Tiến Lợi về việc thuê Tòa nhà văn phòng tại số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2033.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: Số 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.17. Vốn chủ sở hữu****4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2019	250.000.000.000	(785.400.000)	4.635.810.142	1.585.281.437	255.435.691.579
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	4.556.833.708	4.556.833.708
Chia cổ tức	-	-	-	(12.481.300.000)	(12.481.300.000)
Thù lao, quỹ hoạt động của HĐQT, BKS	-	-	-	(625.132.600)	(625.132.600)
Tại ngày 30/06/2019	250.000.000.000	(785.400.000)	4.635.810.142	(6.964.317.455)	246.886.092.687
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	3.610.294.475	3.610.294.475
Thù lao, quỹ hoạt động của HĐQT, BKS	-	-	-	(352.000.000)	(352.000.000)
Tại ngày 01/01/2020	250.000.000.000	(785.400.000)	4.635.810.142	(3.706.022.980)	250.144.387.162
Lỗ trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	(15.022.253.445)	(15.022.253.445)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.540.227.992)	(2.540.227.992)
Thù lao, quỹ hoạt động của HĐQT, BKS	-	-	-	(266.000.000)	(266.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(9.985.040.000)	(9.985.040.000)
Tại ngày 30/06/2020	250.000.000.000	(785.400.000)	4.635.810.142	(31.519.544.417)	222.330.865.725

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.17.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(37.400)	(37.400)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.962.600	24.962.600

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.17.3. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.022.253.445)	4.556.833.708
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(2.249.348.562)
Lãi /(Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty	(15.022.253.445)	2.307.485.146
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	24.964.330	24.964.330
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	(602)	92

4.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
Ngoại tệ các loại:		
USD	6.129,03	1.916,38
EUR	977,89	1.590,11

4.19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này, VND	Kỳ trước VND
Doanh thu lữ hành	28.297.600.508	224.786.010.110
Doanh thu vé máy bay	26.529.284.920	74.844.490.843
Doanh thu nhà hàng, khách sạn	12.878.180.882	30.180.200.588
Doanh thu bán hàng hóa	69.318.225.528	42.546.627.878
Doanh thu cho thuê bất động sản	26.278.790.552	31.401.941.028
Cộng – Xem thêm mục 1.4	163.302.082.390	403.759.270.447
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.29	591.367.542	1.997.920.903

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.20. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn lãi hành	24.577.268.582	207.787.779.449
Giá vốn vé máy bay	21.321.378.983	67.946.864.148
Giá vốn nhà hàng, khách sạn	7.276.531.626	11.216.739.244
Giá vốn bán hàng hóa	67.847.171.336	40.984.182.727
Giá vốn cho thuê bất động sản	6.913.387.636	7.550.767.776
Cộng – Xem thêm mục 1.4	127.935.738.163	335.486.333.344

4.21. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	1.708.476.690	1.326.462.163
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.500.000.000	1.260.072.572
Lỗ chênh lệch tỷ giá	23.009.656	172.287.211
Cộng	3.231.486.346	2.758.821.946

4.22. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	10.498.259.693	13.964.768.934
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.297.280.609	13.192.123.472
Các khoản chi phí bán hàng khác	4.756.960.555	5.547.007.090
Cộng	24.552.500.857	32.703.899.496

4.23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	7.332.283.642	9.672.663.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.762.369.512	7.518.918.268
Chi phí bằng tiền khác	4.346.963.658	7.874.203.482
Cộng	20.441.616.812	25.065.785.416

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	69.658.596.715	45.748.104.824
Chi phí nhân công	19.779.038.035	26.172.898.590
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.418.818.142	4.641.335.073
Chi phí khác	66.094.005.643	348.614.239.200
Cộng	180.672.866.669	425.176.577.687

4.25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	(15.022.253.445)	6.130.363.911
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	5.631.076.188	1.440.492.562
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	(610.795.448)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	(9.391.177.257)	6.960.061.025
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	-	1.392.012.205

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

4.26. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	82.837.204.444	96.866.056.486

4.27. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(118.124.896.699)	(72.233.475.975)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: Số 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.28. Báo cáo bộ phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Dịch vụ lữ hành;
- Bán vé máy bay;
- Dịch vụ nhà hàng, khách sạn;
- Cho thuê bất động sản
- Bán hàng hóa

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020:

	Đơn vị tính: Triệu đồng													
	Dịch vụ lữ hành		Vé máy bay		Nhà hàng, khách sạn		Cho thuê bất động sản		Bán hàng hóa		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu														
Từ khách hàng bên ngoài	28.298	224.786	26.529	74.844	12.878	30.180	26.279	31.402	69.318	42.547	-	-	163.302	403.759
Giữa các bộ phận	1.092	1.407	4.028	32.473	77	296	-	-	-	-	(5.196)	(34.176)	-	-
Cộng	29.390	226.193	30.557	107.318	12.955	30.476	26.279	31.402	69.318	42.547	(5.196)	(34.176)	163.302	403.759
Kết quả kinh doanh														
Kết quả của bộ phận CP không phân bổ	3.721	16.998	2.419	4.066	5.601	18.963	19.366	23.851	1.471	1.562	-	-	32.578	65.441 (*)
Thu nhập tài chính													44.995	57.770 (*)
Chi phí tài chính													396	1.071
Thu nhập khác													3.231	2.759
Chi phí khác													248	195
Lợi nhuận trước thuế													18	49
Thuế thu nhập doanh nghiệp													(15.022)	6.130 (*)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại													-	1.392 (*)
Lợi nhuận sau thuế													-	182 (*)
													(15.022)	4.557 (*)

(*) Số liệu đã được điều chỉnh hồi tố - Xem thêm mục 4.33

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: Số 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

	Dịch vụ lữ hành		Vé máy bay		Nhà hàng, khách sạn		Cho thuê bất động sản		Bán hàng hóa		Đơn vị tính: Triệu đồng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tổng cộng	
	30/06/20	01/01/20	30/06/20	01/01/20	30/06/20	01/01/20	30/06/20	01/01/20	30/06/20	01/01/20	30/06/20	01/01/20
Tài sản của bộ phận	40.635	83.044	15.233	19.336	13.914	16.170	71.528	69.127	1.504	22.866	142.814	210.544
Tài sản không phân bổ											234.084	220.968 (*)
Tổng tài sản											376.898	431.512 (*)
Nợ phải trả của bộ phận	9.914	21.639	1.451	3.602	837	1.509	1.242	1.365	10.217	2.890	23.661	31.005
Nợ phải trả không phân bổ											130.906	150.002 (*)
Tổng nợ phải trả											154.567	181.007 (*)

(*) Số liệu đã được điều chỉnh hồi tố - Xem thêm mục 4.33

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020:

Doanh thu	TP. Hồ Chí Minh		TP. Hà Nội		TP. Đà Nẵng		TP. Cần Thơ		Vinh Long		Loại trừ		Đơn vị tính: Triệu đồng		
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Tổng cộng	Kỳ này	Kỳ trước
Từ khách hàng bên ngoài	140.897	303.183	11.473	46.558	4.650	22.890	3.558	27.701	2.724	3.427			163.302	403.759	
Giữa các bộ phận	4.982	33.845	-	-	214	331	-	-	-	-	(5.196)	(34.176)	-	-	-
Cộng	145.879	337.028	11.473	46.558	4.864	23.221	3.558	27.701	2.724	3.427	(5.196)	(34.176)	163.302	403.759	
Tài sản cố định của bộ phận tại ngày 30/06	59.986	63.069	4	18	4	680	4	18	331	288	-	-	60.329	64.073	
Chi phí mua sắm tài sản cố định	50	543	-	-	-	-	-	-	-	294	-	-	50	837	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: Số 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.29. Thông tin về các bên liên quan**

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
2. Công ty TNHH Căn hộ Cho thuê Nhà Phong Lan	Công ty liên kết
3. Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	Công ty liên kết
4. Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân	Công ty liên kết
5. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2020 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2020 VND</u>
Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	83.250.000	83.250.000
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	-	57.458.000
Cộng – Xem thêm mục 4.2	83.250.000	140.708.000

	<u>Tại ngày 30/06/2020 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2020 VND</u>
Phải thu khác – Xem thêm mục 4.5		
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	339.224.370	339.224.370

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty CP Thực Phẩm Bạch Đằng	330.000.000	1.330.000.000
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	261.367.542	629.434.540
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân	-	8.486.363
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	-	30.000.000
Cộng – Xem thêm mục 4.19	591.367.542	1.997.920.903

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao và thu nhập	706.936.000	1.408.820.000

4.30. Thu nhập Ban kiểm soát

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	84.005.000	190.675.000

4.31. Cam kết vốn

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, tình hình cam kết góp vốn điều lệ vào công ty con như sau:

	Cam kết góp vốn trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh VND	Tỷ lệ góp vốn của Công ty (%)	Số vốn của Công ty đã góp đến ngày 30/06/2020 VND
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Boutique	20.000.000.000	100	-

4.32. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 50 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	5.250.212.391	6.288.347.008

Tại ngày 30/06/2020, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Từ 1 năm trở xuống	10.500.424.781	12.575.860.429
Trên 1 năm đến 5 năm	36.751.486.734	50.303.441.715
Trên 5 năm	215.258.708.011	270.380.999.219
Cộng	262.510.619.526	333.260.301.363

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.33. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán (Trích):

	Tại ngày 01/01/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
	(Được báo cáo lại)	(Đã báo cáo trước đây)
Đầu tư vào công ty con	-	16.207.561.312
Phải thu ngắn hạn khác	12.074.355.785	11.824.355.785
Chi phí trả trước ngắn hạn	4.614.894.484	10.198.431.032
Chi phí trả trước dài hạn	43.743.756.094	39.133.720.292
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	3.789.068.467	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.101.105.404	2.359.764.265
Dự phòng phải trả ngắn hạn	7.074.280.107	1.951.525.547
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(3.706.022.980)	14.300.066.310

	Tại ngày 01/01/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
	(Được báo cáo lại)	(Đã báo cáo trước đây)
Chi phí trả trước ngắn hạn	3.066.051.132	7.726.654.240
Chi phí trả trước dài hạn	44.971.650.537	53.492.033.919
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	4.248.626.241	1.243.642.859
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	363.035.996	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	7.564.658.347	3.905.547.947
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.585.281.437	15.057.358.949

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Trích):

	Kỳ trước VND	Kỳ trước VND
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Giá vốn hàng bán	335.486.333.344	334.332.666.544
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.065.785.416	24.333.963.336
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.392.012.205	1.769.109.981
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	181.517.998	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.130.363.911	8.015.852.791
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.556.833.708	6.246.742.810
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	92	160

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Trích)

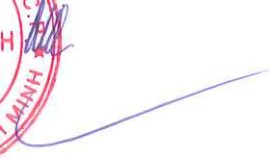
	Kỳ trước VND (Được báo cáo lại)	Kỳ trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lợi nhuận trước thuế	6.130.363.911	8.015.852.791
Tăng giảm chi phí trả trước	2.363.395.280	1.028.210.482
Tăng, giảm các khoản phải thu	(49.159.066.493)	(49.307.435.839)
Tăng, giảm các khoản phải trả	47.393.335.311	46.991.400.575

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do Công ty ghi nhận bổ sung chi phí tiền thuê đất theo đơn giá mới cho giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2017 theo các Thông báo Quyết toán tiền thuê đất từ Cục thuế TP.HCM và trình bày lại khoản đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Boutique do hồ sơ góp vốn chưa hoàn thành.


4.34. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Vào tháng 07/2020, COVID-19 bùng phát trở lại tại Việt Nam nên ảnh hưởng đầy đủ của dịch bệnh vẫn chưa xác định được. Tuy nhiên, khả năng xảy ra mức độ ảnh hưởng tiêu cực của COVID-19 đến doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ kế toán tới là tùy thuộc vào thời gian diễn biến của dịch bệnh.




Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2020


Nguyễn Văn Ngọc
Kế toán trưởng


Đường Ngọc Hương
Người lập